

Bản án số 193/2017/HSPT

Ngày 10 -7- 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dân.

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Xuân Thủy.

2. Bà Nguyễn Thị Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Nam – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 151/2017/HSPT ngày 12/5/2017 đối với các bị cáo Nguyễn Đình U, Nguyễn Đình Hoàng L về tội “*Trộm cắp tài sản*” và “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình U, Nguyễn Đình Hoàng L đối với bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

1. Các bị cáo có kháng cáo:

1.1. NGUYỄN ĐÌNH U – Sinh năm: 1990. Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã D, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1962 và con bà Võ Thị H, sinh năm 1963. Bị cáo là con thứ tư trong gia đình có 04 anh chị em; Bị cáo có vợ là Bùi Thu T, sinh năm: 1996, có 01 con sinh năm 2012. Hiện đều trú tại thôn A, xã D, huyện KB, tỉnh Đắk Lắk; Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án:

- Tại bản án số 23/2015/HSST ngày 17/9/2015, bị Toà án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt: 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chưa được xóa án tích.

- Tại bản án số 04/2016/HSST ngày 07/4/2016, bị Toà án nhân dân huyện KB, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt: 01 năm tù giam, về tội Trộm cắp tài sản . Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, bị cáo phải chấp hành là: 01 năm 07 tháng 22 ngày.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 15/9/2016, hiện đang bị tạm giam – Có mặt tại phiên tòa.

1. 2. NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG L – Sinh năm 1988; Tại tỉnh Đắk Lắk.

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: Đường Phạm Văn Đ, phường T H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tạm trú: Khối A, phường TH, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Đình L, sinh năm 1958; con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Hiện trú tại: Đường Phạm Văn Đ, phường T H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 anh chị em. Tiền án; Tiền sự: Không.

Nhân thân:

-Tại bản án số: 07/2007/HSST ngày 18/01/2007, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản; Tại bản án số: 282/2007/HSST ngày 21/11/2007, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 04 năm tù giam về tội Cướp giật tài sản. Tổng hợp hình phạt của 02 bản án, bị cáo phải chấp hành là 05 năm tù giam. Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắk Trung- Tổng cục VIII Bộ công an. Đến ngày 30/8/2010 được đặc xá về địa phương sinh sống.

- Tại bản án số: 255/2011/HSST ngày 15/9/2011, bị Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 01 năm 06 tháng tù giam, về tội Trộm cắp tài sản Bị cáo chấp hành án phạt tù tại Trại giam Đắk Tân - Tổng cục VIII Bộ công an. Đến ngày 28/02/2013, chấp hành xong hình phạt tù về địa phương sinh sống; Bị cáo đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 16/9/2016, đến ngày 03/11/2016 được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn tạm giam và cho gia đình bảo lãnh – Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị:*
Bị cáo Lê Văn T .

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo, kháng nghị:

- Người bị hại:

1. Ông Hồ Ngọc P –Sinh năm 1981 và bà Nguyễn Thị H– Sinh năm 1983; địa chỉ: Đường Nguyễn Văn C, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk – Điều vắng mặt.

2. Anh Y B – Sinh năm 1972; Địa chỉ: Xã H T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk–Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17^h ngày 13/9/2016, Nguyễn Đình U một mình đi bộ theo hướng từ ngã ba Km5 về trung tâm thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Mục đích, tìm kiếm xe mô tô của người dân sơ hở trong việc quản lý, để trộm cắp. Khi đi đến đường Nguyễn Văn C, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk U thấy chiếc xe hiệu Hon Da loại SH 150I màu đỏ xám đen, biển số 47B1- 484.68, đang dựng trên vỉa hè. U liền lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô này, đẩy xuống đường Nguyễn Văn C, rồi dắt bộ xuôi dốc đi lại về hướng ngã ba Km5, rẽ vào đầu đường Trần Quý C. Tại đây, U sử dụng điện thoại di động hiệu Zono, màu đen (gắn Sim số: 0911.445.018 và Sim số: 01694.314.719), gọi vào số thuê bao:

0989.202.019, của Lê Văn T nói : "Tao mới trộm được chiếc xe SH nhưng không mở được khóa, đang dắt bộ ở đường Nguyễn Văn C, mày có xe không xuống đẩy giúp tao với ", lúc này Lê Văn T đang chăm người nhà trong Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk không đi được, nên nói với U "Tao không có xe". Nghe vậy, U xin Lê Văn T số điện thoại của Nguyễn Đình Hoàng L để nhờ L đến đẩy xe mô tô đi cất giấu, đồng thời U cũng nhờ Lê Văn T gọi điện nói cho L biết trước, Lê Văn T đồng ý và sử dụng chiếc điện thoại di động hiệu OPPO, màu trắng (gắn Sim số 0989.202.019 và Sim số: 0941.548.048), gửi số thuê bao: 0946.261.211, của L cho U (qua tin nhắn SMS), rồi gọi điện thoại cho L, nói "Thằng U mới trộm được một chiếc xe SH đang dắt bộ dưới đường Nguyễn Văn C, nó nhờ em xuống đẩy giúp nhưng em không có xe, anh xem giúp nó được không?", L nói "Tao đang bận", rồi cúp máy. Một lúc sau U gọi điện cho L, nói "Anh ơi em mới lấy được chiếc xe SH đang dắt tới đường Nguyễn Văn C- Trần Quý C, anh xem giúp em với?", thì L đồng ý. Sau đó L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 47B1- 507.84, đi đến ngã ba đường Nguyễn Văn C - Trần Quý C, gặp U. Tại đây, U chỉ cho L thấy chiếc xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, do U vừa trộm cắp và nhờ L đẩy chiếc xe này đi cất giấu. L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 47B1- 507.84, rồi dùng chân phải đẩy chiếc xe mô tô hiệu SH do U ngồi trên điều khiển đi đến khu vực Nghĩa trang thuộc tổ dân phố X, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Sau đó L đi về nhà, còn U dùng tay đầu nối dây điện của chiếc xe mô tô hiệu SH, thì khởi động được xe. U điều khiển chiếc xe mô tô hiệu SH vừa trộm cắp được đi đến Bệnh viện Đa khoa tỉnh Đắk Lắk, gặp Lê Văn T và chỉ Lê Văn T biết chiếc xe do U trộm cắp mà có, đồng thời hỏi mượn mũ bảo hiểm của Lê Văn T, nhưng Lê Văn T không có nên U bỏ đi. Khi đi đến khu vực đường Y W, thành phố B, U nhặt một cây gỗ bên đường và dùng cây gỗ này nạy yên của chiếc xe mô tô hiệu SH lên, thì thấy bên trong có: 01 chiếc áo da màu nâu; 01 giấy đăng ký xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển số 47B1- 484.68 và 01 Chứng minh nhân dân (đều mang tên Nguyễn Thị H); 01 Sổ hộ khẩu gia đình (chủ hộ Nguyễn Thị G, sinh năm: 1958; HKTT: Đường Nguyễn Văn C, phường T H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk). Do thấy có giấy đăng ký xe, nên U nảy sinh ý định đem chiếc xe này đến tỉnh Đắk Nông để tiêu thụ. U gọi điện cho Lê Văn T, nói "Xe có giấy tờ đầy đủ mày cho tao mượn hai trăm ngàn đồng, để đồ xăng đem xe xuống tỉnh Đắk Nông bán". Lúc này, L đang điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 47B1- 507.84, chờ T đi từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk về nhà của L và do không có tiền nên Lê Văn T đưa điện thoại cho U nói chuyện với L, U nói với L "Anh cho em hai trăm ngàn đồng để đồ xăng vào xe SH", L nói "Tao chỉ có một trăm mày lấy thì lấy", U đồng ý và nói "Anh mang xuống xã EK đùm em". Sau khi chờ Lê Văn T về nhà L lấy: 100.000 đồng (một trăm ngàn đồng), đưa cho Lê Văn T và nói Lê Văn T cầm số tiền này đưa cho U. U sử dụng số tiền trên mua xăng đổ vào chiếc xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển số 47B1- 484.68, rồi điều khiển đi đến thị xã G N, tỉnh Đắk Nông tìm nơi tiêu thụ. Tại thị xã G N, U thuê một người đàn ông (chưa rõ nhân thân lai lịch), làm 01 chiếc chìa khóa để sử dụng mở khóa điện xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, do U trộm cắp mà có. Đến sáng ngày 15/9/2016, U điều khiển chiếc xe mô tô hiệu SH quay về huyện Đ M, tỉnh Đắk Nông, tìm gặp người tên H (chưa rõ nhân thân lai lịch), nhờ tiêu thụ, thì bị phát hiện bắt giữ cùng tang vật chứng của vụ án, gồm: 01 chiếc xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, biển số 47B1- 484.68; 01 Giấy đăng ký xe mô tô số: 072158 (xe biển số: 47B1- 484.68) và 01 Chứng minh nhân dân (đều mang tên Nguyễn Thị H, sinh năm:

1983; HKTT: Đường Nguyễn Văn C, phường T H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk); 01 chiếc áo da màu nâu hiệu Kenzo và 01 chiếc chìa khóa bằng kim loại (một đầu bọc nhựa màu đen có chữ P108), 01 chiếc điện thoại di động hiệu Zono màu đen (vỡ phần nhựa phía dưới), gắn Sim số: 0911.445.018 và Sim số: 0169.431.4719.

Tại bản Kết luận định giá tài sản, số: 193/KLĐG ngày 21/9/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô hiệu Honda loại SH 150I, màu đỏ- xám- đen, biển số 47B1- 484.68, số máy: KF14E0009217, số khung: 1410DY009126; trị giá: 50.700.000 đồng.

- 01 (một) chiếc áo da màu nâu hiệu Kenzo, đã qua sử dụng. Hội đồng định giá tài sản không định giá được .

Ngoài ra, quá trình điều tra xác định: Vào khoảng 15^h ngày 25/8/2016, Nguyễn Đình U một mình đi bộ trên đường M H Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk mục đích tìm kiếm xe mô tô của người dân sơ hở trong việc quản lý, để trộm cắp. Khi đi đến trước Phòng khám đa khoa Y học cổ truyền Đ T; địa chỉ: Đường M H Đ, phường T T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk thì U nhìn thấy trên vỉa hè trước phòng khám có: 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ- đen, biển số 47B1- 157.97. Quan sát thấy không có người trông coi, U liền lên lút trộm cắp chiếc xe này khởi động chạy thoát. Đến chiều ngày 26/8/2016, U điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, trộm cắp được đi đến Bệnh viện đa khoa huyện K P, tỉnh Đắk Lắk, rồi đi vào nhà để xe của Bệnh viện lên lút tháo trộm chiếc biển số xe mô tô 47M1- 140.68. Sau đó, U điều khiển chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số 47B1- 157.97, đi về thành phố B, trên đường đi U tháo vứt bỏ chiếc biển số 47B1- 157.97 (U không nhớ vị trí vứt bỏ, nên Cơ quan điều tra không thu giữ được) và lắp chiếc biển số 47M1- 140.68 vào chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius do U trộm cắp mà có. Khoảng 17^h cùng ngày, U đã bán chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius (gắn biển số 47M1- 140.68), do U trộm cắp mà có cho đối tượng tên "N" (chưa rõ nhân thân, lai lịch), lấy số tiền: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau đó, U đi Taxi về lại nhà L đưa cho L số tiền: 1.000.000 đồng (một triệu đồng), để L mua ma túy, rồi cùng với L, Lê Văn T và Nguyễn Q sử dụng. Khi đưa tiền cho L mua ma túy, U không nói cho L biết đây là tiền do U bán tài sản trộm cắp mà có. Số tiền còn lại từ việc bán chiếc xe mô tô trộm cắp, U đã tiêu xài cá nhân hết, nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngày 17/12/2016, bà Nguyễn Thị A (sinh năm: 1964), là giám đốc Khách sạn B Đ; địa chỉ: Đường N Q, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk phát hiện chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, gắn biển số 47M1- 140.68, để trong khuôn viên của khách sạn B Đ, không rõ chủ sở hữu nên đã trình báo và giao nộp cho Cơ quan điều tra xử lý.

Tại bản Kết luận định giá tài sản, số: 297/KLĐG, ngày 30/12/2016, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk kết luận:

- 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Sirius màu đỏ-đen, biển số: 47B1- 157.97, số máy: 5C64555762, số khung: 5C640BY555962, trị giá: 8.500.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Đình U phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Nguyễn Đình Hoàng L phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH U 04 (bốn) năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 năm 07 tháng 22 ngày tù tại bản án số 04/2016/HSST ngày 07/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện K B, tỉnh Đắk Lắk buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm 07 (bảy) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15/9/2016.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG L 03 (ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước, từ ngày 16/9/2016 đến ngày 03/11/2016.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt đối với Lê Văn T, về trách nhiệm dân sự, tang vật, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 17/4/2017 bị cáo Nguyễn Đình Hoàng L kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 24/4/2017 bị cáo Nguyễn Đình U kháng cáo bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo và cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đình U về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS và bị cáo Nguyễn Đình Hoàng L về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” điểm c khoản 2 Điều 250 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Đình Hoàng L là thiếu sót.

Xét mức hình phạt cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với hai bị cáo là tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội mà các bị cáo gây ra, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của BLTTHS – Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên mức hình phạt của bản án sơ thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận, bào chữa gì thêm, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa sơ thẩm và các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

[2] Như vậy, đã đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17^h ngày 13/9/2016, Nguyễn Đình U đã lén lút trộm cắp chiếc xe mô tô hiệu Hon Da loại SH 150I màu đỏ- xám- đen, biển số 47B1- 484.68, đang dựng trước cửa đường Nguyễn Văn C, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Sau đó, bị cáo U gọi cho bị cáo L điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, biển số: 47B1- 507.84 đến rồi dùng chân phải đẩy chiếc xe mô tô hiệu SH do U ngồi trên điều khiển đi đến khu vực Nghĩa trang thuộc tổ dân phố X, phường T L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk cất giấu. Ngoài ra, L còn đưa cho U số tiền 100.000đ đổ xăng vào chiếc xe SH do U trộm cắp để U chạy xe xuống tỉnh Đắk Nông tiêu thụ. Trong quá trình điều tra còn xác định: Vào khoảng 15^h ngày 25/8/2016, tại phòng khám đa khoa Y học cổ truyền Đ T; địa chỉ: đường M H Đ, phường T T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk Nguyễn Đình U đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Sirius, màu đỏ- đen, biển số 47B1- 157.97. Đến khoảng 17^h cùng ngày, U đã bán chiếc xe mô tô nói trên cho đối tượng tên "N" (chưa rõ nhân thân, lai lịch), lấy số tiền: 3.000.000 đồng (ba triệu đồng). Sau đó, U đi Taxi về lại nhà L đưa cho L số tiền: 1.000.000 đồng (một triệu đồng), để L mua ma túy, rồi cùng với L, Lê Văn T và Nguyễn Q sử dụng. Khi đưa tiền cho L mua ma túy, U không nói cho L biết đây là tiền do U bán tài sản trộm cắp mà có. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo U đã trộm cắp 50.700.000 đồng + 8.500.000 đồng = 59.200.000 đồng (*Năm mươi chín triệu, hai trăm ngàn đồng*). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Nguyễn Đình U về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS; bị cáo Nguyễn Đình Hoàng L về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" theo điểm c khoản 2 Điều 250 BLHS là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[3] Xét mức hình phạt mà bản án sơ thẩm xử phạt các bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, bị cáo Nguyễn Đình U bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 04 năm tù. Tại điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS quy định khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm khi chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp là 59.200.000đ. Đối với bị cáo Nguyễn Đình Hoàng L bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù nhưng trong quá trình giải quyết Tòa án cấp sơ thẩm đã thiếu sót khi không áp dụng khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội. Bị cáo L tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội có giá trị 50.700.000đ, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 323 BLHS năm 2015 với mức hình phạt từ 06 tháng đến 03 năm tù. Do đó,

mức hình phạt 03 năm tù mà cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc.

Từ các phân tích trên, HĐXX cần chấp nhận kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật nhà nước ta.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí: Do được chấp nhận kháng cáo nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 248; điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình U, Nguyễn Đình Hoàng L – Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 57/2017/HSST ngày 11/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về phần hình phạt.

2. Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH U 03 (ba) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 51 BLHS, tổng hợp hình phạt 01 năm 07 tháng 22 ngày tù tại bản án số 04/2016/HSST ngày 07/4/2016 của Toà án nhân dân huyện K B,tỉnh Đắk Lắk buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm 01 (Một) tháng 22 ngày (hai mươi hai ngày) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, ngày 15/9/2016.

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội; khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG L 02 (hai) năm 06 (Sáu) tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Bị cáo được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam trước, từ ngày 16/9/2016 đến ngày 03/11/2016.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo không phải án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk .
- Phòng HSNV Công an tỉnh;
- Văn Phòng CQCSĐT Công an tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk
- TAND Tp. B, tỉnh Đắk Lắk
- VKSND Tp. B, tỉnh Đắk Lắk
- Công an Tp. B, tỉnh Đắk Lắk
- Chi cục THADS Tp. B, tỉnh Đắk Lắk
- THAHS Công an Tp. B, tỉnh Đắk Lắk
- Bị cáo;
- Dương sự;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Văn Công Dân